

Bản án số: 161/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 14/8/2024

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Thoa.
- Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Tư;
- Ông Mai Huy Mân.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Minh Đăng - cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số: 387/2024/TLST-HNGĐ ngày 12/7/2024 về tranh chấp “Xin ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1999. (có mặt)
Địa chỉ: Tổ 1, ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
Chỗ ở hiện tại: Ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.
- Bị đơn: Ông Trần Văn Trường G, sinh năm 1996. (có mặt)
Địa chỉ: Tổ 1, ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà Trần Thị Thu H trình bày:

Tôi và ông Trần Văn Trường G có đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C vào năm 2021, quá trình chung sống đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông G thường xuyên ăn nhậu, không lo cho gia đình nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên tranh cãi, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về hôn nhân: Tôi yêu cầu ly hôn ông Trần Văn Trường G.

- Về con chung: Có 01 con chung là Trần Hiểu L, sinh ngày 08/12/2021, sau khi ly hôn bà H yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Trần Văn Trường G trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của bà H về quá trình kết hôn và thời gian phát sinh mâu thuẫn, tôi thừa nhận có hay nhậu nhưng tôi hứa sẽ thay đổi bản thân, vì con còn nhỏ nên tôi không đồng ý ly hôn.

- Về hôn nhân: tôi không đồng ý ly hôn bà Trần Thị Thu H

- Về con chung: Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì tôi yêu cầu được quyền nuôi

dưỡng con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là quan hệ tranh chấp “Xin ly hôn” theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Bị đơn có địa chỉ tại ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Trần Thị Thu H yêu cầu ly hôn ông Trần Văn Trường G với lý do ông G thường xuyên nhậu, không lo làm ăn và không quan tâm chăm sóc gia đình; Phía ông G không đồng ý ly hôn với lý do giữa hai vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng vẫn có thể hàn gắn được, ông G mong muốn bà H cho cơ hội để vợ chồng trở về chung sống cùng nhau chăm sóc nuôi dạy con.

Xét thấy, bà H và ông G cùng thống nhất trình bày, vợ chồng ông bà có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/3/2021, là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sau khi kết hôn có cuộc sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông G thường xuyên nhậu, không lo làm ăn để phát triển kinh tế gia đình, không quan tâm chăm sóc gia đình. Tại phiên tòa ông G không đồng ý ly hôn với lý do con còn nhỏ, cần sự chăm sóc của cả cha và mẹ, nhưng ông G không đưa ra được biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng trong khi bản thân ông G đang đi làm ăn xa, cũng không có thời gian qua nhà thăm nom hay hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà H vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn. Thấy rằng, mâu thuẫn giữa bà H và ông G là trầm trọng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, mâu thuẫn trong thời gian dài từ năm 2022 nhưng vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử cho bà H được ly hôn với ông G.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung là cháu Trần Hiểu L, sinh ngày 08/12/2021. Bà H yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung sau khi vợ chồng ly hôn. Phía ông G cũng yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung nên Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét thấy cháu L là bé gái, đến thời điểm hiện tại chưa tròn 3 tuổi, nên rất cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của mẹ. Ông G trình bày hiện ông đang đi làm ăn xa, còn bà H đã về nhà mẹ ruột ở tỉnh Vĩnh Long sinh sống, có mở tiệm bán trà sữa có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi con, nên Hội đồng xét xử giao con chung cho bà H chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp, ông G không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H chưa có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: hai bên thống nhất trình bày không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, 235, 266 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị Thu H.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Thu H được ly hôn với ông Trần Văn Trường G.

- Về con chung: Giao cháu Trần Hiếu L, sinh ngày 08/12/2021 cho bà Trần Thị Thu H chăm sóc nuôi dưỡng.

Ông Trần Văn Trường G được quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản ông G thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

2/ Về án phí: Bà Trần Thị Thu H phải chịu 300.000 đ án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002919 ngày 09/7/2024 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, xem như đã nộp xong án phí.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKSND H.Cai Lậy;
- Chi cục THADS H.Cai Lậy;
- UBND xã T, HCL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Phan Thị Kim Thoa